

ÔN TOÁN TUẦN 3



Tên: Lớp: 2/.....

I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Phép cộng $35 + 32 =$ có kết quả là:

- A. 76 B. 67 C. 68

Câu 2. Kết quả của phép tính $60 - 10$ là:

- A. 50 B. 70 C. 60

Câu 3. Trong phép trừ $87 - \square = 23$. Số cần điền vào ô trống là:

- A. 42 B. 41 C. 64

Câu 4. Khi so sánh $86 - 25 \dots\dots 98 - 31$. Ta điền dấu:

- A. < B. > C. =

Câu 5. Tìm hiệu trong phép trừ biết số bị trừ là 35, số trừ là 11.

- A. 25 B. 24 C. 21

Câu 6. Một sợi dây dài 68 cm. Sau khi người ta cắt đi 45 cm thì sợi dây còn lại:

- A. 20 cm B. 21 cm C. 23 cm

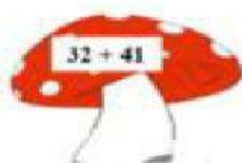
II. TỰ LUẬN

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

$45 + 31$	$86 - 24$	$68 - 36$	$32 + 17$																								
+ <table border="1" style="border-collapse: collapse; text-align: center;"><tr><td style="width: 30px; height: 30px;">4</td><td style="width: 30px; height: 30px;">5</td></tr><tr><td style="width: 30px; height: 30px;">3</td><td style="width: 30px; height: 30px;">1</td></tr><tr><td style="width: 30px; height: 30px;"></td><td style="width: 30px; height: 30px;"></td></tr></table>	4	5	3	1			- <table border="1" style="border-collapse: collapse; text-align: center;"><tr><td style="width: 30px; height: 30px;">8</td><td style="width: 30px; height: 30px;">6</td></tr><tr><td style="width: 30px; height: 30px;">2</td><td style="width: 30px; height: 30px;">4</td></tr><tr><td style="width: 30px; height: 30px;"></td><td style="width: 30px; height: 30px;"></td></tr></table>	8	6	2	4			- <table border="1" style="border-collapse: collapse; text-align: center;"><tr><td style="width: 30px; height: 30px;">6</td><td style="width: 30px; height: 30px;">8</td></tr><tr><td style="width: 30px; height: 30px;">3</td><td style="width: 30px; height: 30px;">6</td></tr><tr><td style="width: 30px; height: 30px;"></td><td style="width: 30px; height: 30px;"></td></tr></table>	6	8	3	6			+ <table border="1" style="border-collapse: collapse; text-align: center;"><tr><td style="width: 30px; height: 30px;">3</td><td style="width: 30px; height: 30px;">2</td></tr><tr><td style="width: 30px; height: 30px;">1</td><td style="width: 30px; height: 30px;">7</td></tr><tr><td style="width: 30px; height: 30px;"></td><td style="width: 30px; height: 30px;"></td></tr></table>	3	2	1	7		
4	5																										
3	1																										
8	6																										
2	4																										
6	8																										
3	6																										
3	2																										
1	7																										



Bài 2. Nối các cây nấm có kết quả bằng nhau:



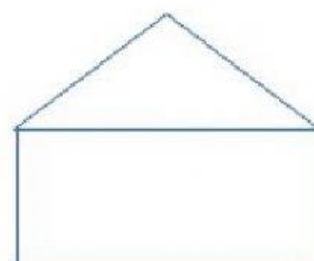
Bài 3. Mỗi hình vẽ dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng?



Có đoạn thẳng



Có đoạn thẳng



Có đoạn thẳng

Bài 4. Số ?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
	55	
	36	
	69	
	99	

Bài 5. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a. Số liền trước của 34 là 44.

☐

b. Số liền sau của 59 là 60.

☐

c. Số chẵn liền sau của 12 là 14.

☐

d. Số 22 là số liền sau của 23.

☐
